

PHẬT-GIAO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



# ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

# 慧 燭 報

Chủ nhiệm  
NGUYỄN-NANG-QUOC  
Chánh hội trưởng  
hội Phật-Giáo  
Quản lý  
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút  
PHAN-TRUNG-THU  
Sư cụ chùa Bằng-Sở  
Phó chủ bút  
DUONG-VAN-HIEN  
Sư cụ chùa Tổ-Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖ SỐ : 0 \$ 03

**Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo  
và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »**

Ngài nào dời chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết  
để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

---

---

**Kính trình các giáo-hữu hội-viên  
hội Phật-giáo**

Báo « Đuốc-tuệ » ấn-hành là cốt điển-dịch những kinh sách nhà Phật để cho thập phương thiện tín cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

---

---

**Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý  
hội Phật-giáo ở các địa-phương**

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên-lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

---

---

**BẢN BÁO KHẢI SỰ**

Vì mấy số báo đầu hết cả vậy từ nay ai mua năm hoặc mua nửa năm, chúng tôi xin gửi từ số 15 trở đi mà hạn mua báo sẽ kể bắt đầu từ đấy.

Thư từ và mandat xin nhớ gửi cho ông Cung-đỉnh - Bính quản-lý báo Đuốc-tuệ chùa Quán-sứ, phố Richaud Hanoi.

## KÍNH CÁO CHU' SO'N

### TRU'ÔNG-LÃO

Kính bạch liệt-vị đại-đức tăng-ni

**P**HẬT-GIÁO là một tôn-giáo rất cao-thâm, rất thuần túy, có thể đem duy trì được thế-đạo, cứu chính được nhân-tâm, thế mà truyền vào trong nước ta đã hơn 2000 năm nay, Phật-giáo vẫn chưa thấy xương minh phổ cập, khiến cho toàn thể quốc-dân tin-ngưỡng, sự đó xét ra có bốn nguyên-nhân như sau này :

1<sup>o</sup> Một là kinh-điển Phật-giáo nghĩa-lý sâu xa, văn từ thâm thúy, kẻ xem học khó bề lĩnh hội, không tìm thấy những chỗ hay chỗ tốt, nhân thế rồi sinh lòng chán nản, không chịu nghiên-cứu, bởi không nghiên-cứu nên không hiểu cái nội dung tốt đẹp ra sao ? Do thế mà không sinh lòng tin-ngưỡng.

2<sup>o</sup> Hai là những giáo-lý của Phật-giáo ít đem tuyên-truyền ra nơi công-chúng. Xưa nay cũng có nhiều vị pháp-sư tinh-thông kinh-điển, song chỉ giảng kinh thuyết-pháp ở trong tăng-hội già-lam thôi, quốc-dân ít khi được nghe giảng, do thế mà không sinh lòng tin-ngưỡng.

3<sup>o</sup> Ba là trong tăng-ni giới hiền ngu hay dở không đều, những người hiền người hay thời lại hay ẩn tích ở chốn lâm-toàn, ít hay giao-thiếp, những người tri-thức trong xã-hội ít được thừa tiếp mấy khi ; còn những người dốt người xấu thời chỉ mượn Phật sinh-nhai đầy rẫy ở chỗ dân gian nơi thành-thị, do thế mà quốc-dân cho là Phật-giáo-đồ không có ích lợi gì cho xã-hội, rồi không sinh lòng tin-ngưỡng.

4<sup>o</sup> Bốn là bởi tăng-ni chỉ chuyên chú về tiền-thừa, đợc thiện kỳ thân, không chịu thực hành sự nghiệp đại-thừa

cửu thế, đối với quốc-gia, đối với xã-hội, Phật-giáo-đề văn-  
dùng về phương-diện bằng quan, do thế mà những đạo  
khác mới phụ nhập vào sau mà lại được nhân-dân hoan-  
nginh sung bái, bởi vì những đạo ấy họ thực hành ngay  
những việc từ-thiện cứu-tế giáo-dục vân vân, nên trên  
được chánh-phủ lưu-tâm, dưới quốc-dân dễ nom thấy  
những bề ích-lợi, còn như Phật-giáo ta thời hình như chỉ  
chuyên sự ích-lợi về phần hồn, mà ít cho nhân-dân được  
ích-lợi về phần xác, do thế mà quốc-dân không sinh lòng  
tin-ngưỡng.

Nay thời cơ đã đến, hội Phật-giáo mở khắp ba kỳ, chúng  
ta nên nhân cơ-hội này mà tìm phương bề cứu. Đối với  
thuyết thứ nhất, thời ta nên tán thành việc dịch kinh sách  
Phật-giáo ra chữ quốc-âm, và cổ-động cho rõ nhiều người  
mua báo Đuốc-tuệ, khiến cho quốc-dân chóng hiểu được  
những lý-thuyết cao thâm của Phật-giáo có thể ích-lợi  
cuộc sinh-tồn cho cá-nhân cho xã-hội.

Đối với thuyết thứ hai thời ta nên tán thành những cuộc  
diễn-giảng của hội Phật-giáo đã đặt ra; ta đừng ngại rất  
luôi khô mồm mà rụt rè e lệ; ta phải mạnh bạo làm cho  
ki-ỏi phụ cái danh sư-tử tượng-vương; nói được thời hay,  
bằng không nói được thời nên chấm chỉ lại nghe và nên  
cổ-động cho mọi người cũng đến, đừng nên chép miệng  
hữu môi, mình đã lười biếng không chịu nghe, lại còn gán  
trở những người nghe khác, làm cho Phật-giáo lâu được  
phổ thông. Đối với thuyết thứ ba, thời ta nên chịu khó  
năng đến hội-quán trung-ương hay địa-phương của hội  
Phật-giáo mà tham dự hội-đồng cùng với các viên cư-sĩ  
bàn tính công việc tiến hành của hội, khiến cho bạn tri-  
thức biết là Phật-giáo không phải không người. Đối với  
thuyết thứ tư thời ta nên thực hành những sự cứu-tế. Bề  
trong thời nên mau mau kết tập tăng-già, chỉnh đốn giáo-  
qui, tuyên dương giáo nghĩa. Bề ngoài thời theo như Phật-  
giáo Trung-hoa mở ra các trường Tiểu-học ở các thôn-quê,  
khiến cho kẻ khó dân cùng nhờ bóng từ-bí mà sẵn nơi học  
tập, dựng ra Phật-giáo có-nhi-viện để nuôi trẻ bề-côi, mở  
ra Phật-giáo chức-nghiệp-trường để dạy các tăng-ni thất-  
học; nói thế không khỏi có người cho là câu chuyện hoang-

đường, bởi vì đương lúc khó khăn này đồng tiền rất hiếm, sự ăn mặc sơ tuế của mình còn chưa đủ, thời nói chi việc cứu giúp người ngoài; song tôi dám chắc rằng một hai người thời khó chứ trăm nghìn người thời lại dễ như giở bàn tay; chả thế mà hiện nay tuy là kinh-tế khó khăn mà không ngày nào là không có nơi hội chùa hội tượng; có người nói rằng đến những nơi hội-tài chùa mới khiến cho người ta nhận rõ một nơi thế-giới hoàng kim; nếu ai ai cũng đem cái lòng hy-sinh việc riêng ấy ra, mà mưu sự ích-lợi chung cho tôn-giáo, thời có chi là khó mà phải xờn lòng.

Kết luận, tôi mong ở tấm lòng từ-bi cứu thế của các vị, cùng nhau đề xướng thực hành mọi việc nói trên, khiến cho Phật-giáo chóng được trùng-hưng, quần-sinh chóng được lợi-lạc, để cho những người xưa rầy vẫn chề Phật-giáo không bằng các tôn-giáo khác, họ nay thấy họ phải đem lòng tán phục, như thế Phật-giáo sau này mới mong được đại đa số quốc-dân tin-ngưỡng, thật là vẻ vang cho hội Phật-giáo, may mắn cho tăng-ni, ích-lợi cho quần-chúng biết là nhường nào, chả hơn các vị cứ cục cung tận tụy tô điểm một cảnh chùa riêng, gìn giữ mấy người dân-tín, nay đến này mai phủ nợ, đã hại rằng hữu-vi công đức không phải là việc dễ làm, song đối với Phật-nhơn xem ra nó vẫn quanh quẩn ở trong cái phạm vi hữu-ngã.

*Sư cụ chùa Tế-Cát*

---

## BÀI PHÁP NGÔN KHUYÊN BẢO CÁC CON QUY CỦA THÁI-HƯ PHÁP-SU

### 1. — Qui mạnh cho chính sự tín

*Quy mạnh, nghĩa là đưa tất cả thân-thể số mạng đời này lẫn cả vào trong bề Phật pháp tăng. Chẳng tiếc gì ta và nơi ta nữa, từ đây chỉ lấy Phật-pháp-tăng làm cái trụ chơ mình nương tựa vào, và chỉ lấy Phật-pháp-tăng làm quê hương cho mình theo về, quyết không vì thân thể số mạng nó đổi thay, mà lui chuyển cái tâm tin Phật-pháp-tăng, nói trái lại,*

thì cái thân ta đây có thể diệt, cái thế-giới này có thể hoại, chớ cái lòng tin Phật-pháp-tăng chẳng bao giờ lung lay được vậy. Phật-pháp-tăng ví như là bề mà cái thân thể này ví như bọt, cái bọt còn có lẽ khi còn khi mất, chừ bề không có lẽ nao khi còn khi mất được. Nếu ai hay quy Phật-pháp-tăng một lòng như thế, đối với Phật-giáo mới được là chính-tin. Đủ Phật-pháp-tăng mới là Phật-giáo. Cho nên nói tóm lại, thì là tin Phật-giáo, nói biệt ra, thì là tin Phật-pháp-tăng. Nhưng Phật-pháp-tăng có cái lý tính trong nhân, và có cái sự tương trên quả. Gì là lý tính trong nhân? là cái tâm vắng lặng khắp biết thiêng liêng thường tỉnh của mọi người, tức là Phật; trong cái khắp biết thường tỉnh ấy nó hiện ra muốn sự muốn vật tức là pháp; một cái tâm mà muốn cái pháp nó điều hòa hội hợp lại tức là tăng. Nếu không phải cái khắp biết thường tỉnh thì không có thể tâm; không phải muốn sự muốn vật thì không có tương tâm; không phải điều hòa hội hợp, thì không lấy gì mà dụng tâm được. Cho nên cứ cái bản-tâm đó, tức là Phật-pháp-tăng, không phải Phật-pháp-tăng thì không sáng tỏ cái bản-tâm ra được. Gì là sự tương trên quả? là nếu hay tự-giác giác-tha, mà cái hạnh-giác được viên mãn thì là Phật, như đức Phật Thích-ca-mâu-ni và đức Phật A-di-đà là đúng. Theo như Phật dạy, hiểu rõ nghĩa lý thực hành chứng quả thì là pháp, như các kinh, luận, giới-luật và các phép tắc trong Phật-giáo là đúng. Những bậc người mong quả gây nhân, suy diễn các pháp, dạy dỗ chúng-sinh, thì là tăng, như các bồ-lát, duyên-giác, thanh-văn là đúng. Phi Phật không bởi đâu có giáo, phi pháp không lấy gì làm giáo, phi tăng không lấy ai truyền giáo. Cho nên Phật-giáo tức là Phật, pháp, tăng, phi Phật pháp tăng không thể thành Phật-giáo. Xét quả phải chứng nhân, bởi nhân mới thành quả, theo bản-tâm mới thành được Phật-giáo, quy Phật-giáo mới rõ được bản-tâm, đừng có chấp lý mà bỏ sự, chớ có nệ tướng mà mê tính, thì tính tương mới dung hòa, và sự lý mới thành tựu được.

## 2. — Giữ kính cho tiêu mỗi tình

Tâm và Phật đều ở trong tình cả, như vàng cỏ quặng. Xem kinh Viên-giác có câu : « Ví như chuỗi quặng vàng, vàng

không phải bởi chuỗi mới có, đầu vàng là có trước, nhưng bởi chuỗi mới nên ». Đối với cái hình chất ở linh người, thì có 6 : là tham, sân, si, mạn, nghi và bất-chính-kiến ; xét cái gốc nó, thì là do cái chấp có ta, tiêu cái linh ấy tức là tiêu trừ những cái chấp có ta đó mà thôi. Nhưng cái chấp nó tích lại đã thâm lắm, không hiểu tự bao giờ, mà muốn tiêu trừ đi, nên cứ ở trong cái bề vô tận là Phật pháp tạng mà mình đã reo mạng vào đó, chăm chăm tu luyện, như mỗi ngày cứ sùng tụng lên Phật Thích-ca-mâu-ni, tên kinh đại-phương-quảng-phật-hoa-nghiêm, và lên bồ-tát-di-lặc, tưởng như đối ngay trước mặt mà cần thận kính cung, khiến cho thân, khẩu và ý ta, không một chút nào dám động dãi chễ-nổi, cứ thế mãi mãi, thì cái linh chấp nó tiêu dần mà cái tâm giác sẽ sáng linh ra vậy.

### 3. — Phát tâm cho rộng lòng nguyện

Kinh Viên-giác có câu : « Chúng sinh đời mạt-pháp, muốn cầu viên-giác, nên phát tâm nói câu như vậy : Hết thầy chúng-sinh cùng tận cả hư không, ta đều khiến cho vào trong viên-giác cả. Ở trong viên-giác mà chưa lấy chứng ấy vội là còn trừ hết thầy các tướng nhân-ngã cho họ ». Phát tâm như thế, thì không lạc về tà-kiến, cho nên lời phát tâm của bồ-dề-tát-đoa tức là 5 điều thế nguyện lớn sau này : « chúng-sinh vô số thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn, môn pháp vô hạn thế nguyện học, quả Phật vô thượng thế nguyện thành, phúc trí vô cùng thế nguyện tập ». Đó là nguyện lực rất rộng rất sâu, ngang hể hư không, thẳng cùng vĩnh-kiếp, mà không ngại không ngần mới hay đời đời kiếp kiếp dù đầu sinh làm loài giống nào, cũng cứ tu hành mãi mãi, chẳng khi nào thoái chuyển mà cầu được viên-giác vậy.

Lược dịch trong tạp-chí Hải-trào-âm (Tàu)

Viên-minh NGUYỄN-THƯỢNG-CÀN



# CÁC TƯỢNG PHẬT THỜ TRÊN CHÙA

(Tiếp theo)

## 10. — Tượng bốn vị Bồ-tát

Các đấng Bồ-tát cũng như chư Phật nhiều không kể xiết. Những đấng có danh-số ở trong kinh mà thuộc về từng bộ, thì có : 16 vị Bồ-tát về Kim-cương giới 金剛界十六菩薩, 37 vị Bồ-tát Mạn-đà-la 曼陀羅三十七尊, 28 vị Bồ-tát về Hư-không-viện 虛空院二十八尊. Nhưng các chùa chỉ thường tạc tượng có bốn vị gọi là « Tứ Bồ-tát ». Tứ Bồ-tát lại có hai thuyết khác nhau như sau này :

a) Thuyết này nói « Tứ Bồ-tát » là ;

Quán-âm Bồ-tát 觀音菩薩

Đi-nặc Bồ-tát 彌勒菩薩

Văn-thù Bồ-tát 文殊○○

Phổ-hiền Bồ-tát 普賢○○

Bốn vị này đều có nhân-duyên rất thâm-thiết với chúng-sinh cõi Sa-bà. Bốn vị Bồ-tát này đều là hình Thánh-tăng.

b) Thuyết này nói : « Tứ Bồ-tát » là : Ái Bồ-tát 愛菩薩, Sách Bồ-tát 索菩薩, Ngũ Bồ-tát 語菩薩 và Quyền Bồ-tát 眷菩薩. Nhưng tìm trong « Phật-học đại từ điển » đã dẫn tường và giải nghĩa đúng với chữ đặt trong các danh-từ thì không thấy có Quyền Bồ-tát 眷菩薩 mà chỉ thấy có Quyền Bồ-tát 拳○○. Vậy dưới đây theo nghĩa của « Phật-học đại từ điển. »

Có thuyết lại dẫn sự tích bốn Bồ-tát này mà nói : Bốn Bồ-tát cùng tám tướng Kim-cương chung một cha mẹ. Cha mẹ là người thế-gian, có phúc-đức lần trước sinh ra một học nở tám con giai, lần sau sinh một học nở bốn con gái. Tám con giai sau thành tám tướng Kim-cương, bốn con gái sau thành tứ Bồ-tát. Xét ra thuyết ấy chỉ do người đời sau bịa đặt ra để phụ vào sách Phật mà thôi, vì vậy dưới đây cũng theo về nghĩa của « Phật-học đại từ điển » mà giải thích về tứ Bồ-tát và bát Kim-cương cho khỏi sai với giáo-lý chân-chính huyền diệu của Phật.



Bốn vị Bồ-tát theo nghĩa « Phật-học đại từ-diễn » đã khảo cứu thì vị nào cũng có hai chữ « Kim-cương » ở trước tôn-hiệu là lấy nghĩa « Kim-cương » là thứ ngọc rất cứng bền và trong suốt mà lòng chính định của các Ngài cũng giống như thế. Cho nên các danh-hiệu của các vị Bồ-tát về Kim-cương-giới, Mạn-đà-la và Hư-không-viện cũng đều lấy hai chữ Kim-cương đứng trước cả.

Bốn vị Kim-cương Bồ-tát là :

*Kim-cương ái Bồ-tát* 金剛愛菩薩. — Tượng Ngài tay cầm một cái tên, Ngài chính-định được lòng nên tùy thuận tự-nhiên để điều phục mọi loài, có nhiệm ái mà vẫn thanh-tịnh (Kinh Đại giáo-vương), nên gọi là « Kim-cương-ái », nghĩa là yêu-thương chúng-sinh một cách rất bền mà trong sáng như ngọc Kim-cương.

*Kim-cương Sách Bồ-tát* 金剛索 ○ ○. — Tượng Ngài tay cầm một cái chảo, nghĩa là Ngài lấy lòng đại-bi để lôi kéo chúng-sinh cho qua bề khổ, lòng ấy dai-bền cũng như cái giây chảo bằng Kim-cương, nên gọi là « Kim-cương-sách ».

*Kim-cương Ngữ Bồ-tát* 金剛語 ○ ○. — Tượng Ngài tay cầm cái lưỡi của Đức Như-lai, nghĩa là Ngài tụng kinh chỉ tụng-niệm một cách lăm-dăm không thành tiếng để mà suy-nghĩ, như có cái lưỡi bằng Kim-cương vậy. Nên gọi là « Kim-cương ngữ ».

*Kim-cương Quyền Bồ-tát* 金剛拳 ○ ○. — Tượng Ngài hai tay nắm chặt để vào ngực, nghĩa là Ngài đã chúng-định được phép uy-linh cảm-ứng, bền chắc như cái nắm tay bằng kim-cương, nên gọi là « Kim-cương quyền ».

Bốn vị Bồ-tát này đều hình Thiêu-thần.

## 11. — Tượng tám vị Kim-cương

Kim-cương là vị Thần-tướng trên cõi giới. Nguyên bản Thiên-trúc có một thứ đồ binh-khí hình cái trùy rất cứng mạnh mà sắc nhọn cũng có khi làm bằng đá Kim-cương, nên gọi là *Kim-cương trùy* 金剛杵. Những thần-tướng

trên cõi giới cầm Kim-cương trừ di thị-vệ Phật, gọi là *Kim-cương thủ* 金剛手, Tráp Kim-cương thần 執金剛神 và *Kim-cương lực-sĩ* 金剛力士. Khi nào gọi tắt thì chỉ gọi hai chữ Kim-cương như nói « Bát Kim-cương » 八金 O, thế tức là tám thần-tướng Kim-cương vậy.

Thiên Phổ-môn phẩm trong kinh Pháp-hoa nói : « Cần phải có Tráp Kim-cương thần mới độ được thì Ngài hiện ngay ra Tráp Kim-cương thần mà thuyết-pháp cho ». Vậy Tráp Kim-cương thần tức là một vị Thần-tướng cầm dùi Kim-cương này đó.

Bộ Kim-cương thần-tướng này có tám vị đều có danh-hiệu.

Nhưng danh-hiệu tám vị Kim-cương theo các chùa vẫn nhận thì là : Thanh-trừ-tai 清除災 Kim-cương, Tích-độc-thần 積毒神 Kim-cương, Hoàng-tùy-cầu 黃隨求 Kim-cương, Bạch-tịnh-thủy 白淨水 Kim-cương, Sich-thanh-hỏa 赤青火 Kim-cương, Định-trừ-tai 定除災 Kim-cương, Tử-hiền 紫賢 Kim-cương, Đại-thần-lực 大神力 Kim-cương. Song tìm trong Phật-học đại từ-diễn không có tám tên này mà lại có tám tên khác sẽ dẫn ra dưới đây, Phật-học đại từ-diễn chứng dẫn các kinh thì tám vị Kim-cương đều là Thiên-thần hộ vệ Phật-pháp và danh-hiệu tám vị đều có nghĩa-lý vi-diệu hơn tám danh-hiệu này nhiều, vậy biết tám tên hiệu này cũng là tên của phái đạo-gia bên Tàu đặt ra, cho nên các điện Phù-thủy cũng có thờ tám vị Kim-cương Thần-tướng bằng tám tên này. Vả, có một bộ kinh Kim-cương chú-giải do của một nhà Đạo-gia trừ danh bên Tàu làm, thì tướng sự-tích để học và danh-hiệu Kim-cương ấy cũng là do nhà Đạo-gia nào đó mới phụ hội vào. Dưới đây dẫn tên tám vị Kim-cương do trong kinh Phật mà sách « Phật-học đại từ-diễn » đã khảo cứu ra.

Có hai điển : Một là « Bát đại Kim-cương minh-vương 八大金 O 明王 ». Một là « Bát đại Kim-cương đồng-tử 八大金 O 童子. »

a) Bát đại Kim-cương minh-vương là tám vị Bồ-tát hiện thân ra làm tám tướng Kim-cương để hộ-tri Phật-pháp là :

*Kim-cương-thủ* 金 ○ 手 Bồ-tát hiện ra vị Giáng tam thế  
降三世 Kim-cương.

*Diệu-cát-tường* 妙吉祥 Bồ-tát hiện ra vị Đại-uy-đức  
大威德 Kim-cương.

*Hư-không-tạng* 虛空藏 Bồ-tát hiện ra vị Đại-tiểu 大笑  
Kim-cương.

*Từ-thị* 慈氏 Bồ-tát hiện ra vị Đại-luân 大輪 Kim-cương.

*Quán tự tại* 觀自在 Bồ-tát hiện ra vị Mã-dầu 馬頭  
Kim-cương.

*Địa tạng* 地藏 Bồ-tát hiện ra vị Vô-năng-thắng 無能勝  
Kim-cương.

*Hàng nhất-thiết cái-chướng* 降一切蓋障 hiện ra vị  
Bất-động 不動 Kim-cương.

*Phổ-hiền* 普賢 Bồ-tát hiện ra vị Bộ-trịch 步獅 Kim-  
cương.

b) Bát đại Kim-cương đồng-tử là tám vị sù-giả của Bất-  
động minh-vương 不動明王 đề hộ-tri Phật-pháp là :

*Tuệ-quang đồng tử* 慧光童子

*Tuệ-hỉ đồng tử* 慧喜童子

*A-nỗc đạt-da đồng tử* 阿樹達多童子

*Chỉ-đức đồng tử* 指德童子

*Ô-cu-bà-ca đồng tử* 烏俱婆迦童子

*Thanh-đức đồng tử* 清德童子

*Cãng-yết-la đồng tử* 矜羯羅童子

*Chế-cha-ca đồng tử* 制迦童子

Mỗi đồng-tử đều cầm một cái Kim-cương-trử, việc chép  
trường ở kinh bát đại đồng-tử nghi-quĩ 八大童子儀軌.

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT



## Hai vị Hòa-thượng Ba-lan sang Á-đông xem xét về tình hình Phật-giáo

Vào khoảng 10 giờ sáng hôm 19 Jun 1936, một chiếc tàu Ba-lan cập bến Sài-gòn, có 2 vị hòa-thượng Ba-lan bước lên bờ, trông cách ăn mặc ai cũng lấy làm ngạc nhiên lắm.

2 vị hòa-thượng ấy bước lên bờ gọi xe kéo đi dạo khắp thành phố, Bất-kỳ ở đâu có chùa đình thì 2 vị ngừng xe lại vào thắp hương, thắp đèn cúng lạy và tụng kinh.

Vào đình Khánh-hòa, 2 người cùng lạy, đánh chuông gõ mõ và tụng kinh theo tiếng phạm, nhưng có tiếng « na-mô » thì đọc cũng y như tiếng ở xứ ta.

Thiên-hạ lại coi rất đông. Ông Lâm-văn-Hậu hội-trưởng đình Khánh-hòa thấy thế nên mời 2 vị hòa-thượng ấy về nhà thết một bữa cơm chay và hỏi ý-kiến hai người về vấn đề Phật-giáo, được 2 vị ấy đáp lại một cách rất khiêm nhường cung kính.

Dưới đây là lời vị hòa-thượng Ba-lan trẻ tuổi đáp (nói bằng tiếng Pháp).

.... « Chúng tôi đây là người theo đạo Phật về phái đại-thừa. Cụ đi với tôi đây tên là « Karlis-feunisons » 63 tuổi, tu đạo từ năm 20 tuổi đến giờ và lên chức hòa-thượng di thuyết pháp được 43 năm nay, lấy hiệu là « Đễ-thích hóa-thượng ». Còn tôi tên là Frédérie N. Lustig 25 tuổi, theo đạo Phật từ hồi 19 tuổi và thụ giáo với thầy tôi đây (chỉ ông già) được 9 năm rồi, lấy hiệu là « Khanh-hỉ pháp-sur ».

Chúng tôi là dân nước Ba-lan, sinh trưởng tại kinh-thành Latine, gần mé bể Baltique. Kinh-thành này có đến 2.000.000 dân, mà trong số ấy có đến 2 phần 3 người theo đạo Phật. Theo như tôi được biết thì đạo Phật truyền-bá ở xứ tôi có đến 600 năm rồi ».

— 2 ngài có biết chữ Tàu không ?

— Chữ Tàu 2 chúng tôi biết khá lắm, và nhờ đó mà chúng tôi hiểu rõ về lịch-sử đạo Phật, vì văn-chương tu-tướng về chữ Tàu có nhiều ý nghĩa cao xa thâm-thúy. Chẳng những chúng tôi biết đọc mà thôi, mà chúng tôi

cũng viết được nữa. Chính vì thế mà chúng tôi tới đâu cũng được người ta biệt đãi. Chúng tôi có ở Tàu một thời-kỳ khá lâu, trong lúc ấy chúng tôi có đến Thượng-hải và đi nhiều nơi là những nơi có rất nhiều tín-dồ đạo Phật mà chúng tôi đã thuyết pháp được họ hoan nghênh. »

Sau đó 2 vị hòa-thượng Ba-lan có đi thăm mấy chùa ở Chợ-lớn và chùa Tân-hưng-long ở Phú-định. Đến đâu 2 vị cũng bỏ dép đi chân không vào trước ban thờ qui xuống tụng kinh.

Tới chùa Giác-hải, 2 vị ấy đến qui trước mặt Giác-hải hòa-thượng, cúi đầu xuống sát đất làm lễ. Giác-hải hòa-thượng có tặng 2 vị ấy 2 quyển kinh chính tay ngài viết ra. 2 vị ấy để lên trán cung kính cảm tạ. Hiện nay 2 vị ấy đã đáp tàu đi Siêm.

---

---

## Văn-minh vật-chất với đạo Phật

(Bài diễn thuyết của ông Phạm-phan-Côn, Tham-tá tòa sứ, phó đại-lý chi hội Thái-bình diễn ở chùa hội-quán Thái-bình)

*Nam-mô A-di-đà Phật,*

*Bạch các vị Thượng-tọa,*

*Thưa các Ngài,*

Câu truyện tôi nói hôm nay đều đề là « văn-minh vật-chất với đạo Phật » chia ra làm bốn đoạn.

1<sup>o</sup> — Đoạn thứ nhất : nói về trình-độ văn-minh vật-chất đời nay.

2<sup>o</sup> — Đoạn thứ nhì : xét xem văn-minh vật-chất có làm được hạnh phúc cho nhân loại không.

3<sup>o</sup> — Đoạn thứ ba : xét tại làm sao ta càng thấy văn-minh vật-chất càng tăng thêm thì hình như nhân loại càng dần nhau vào bề khổ.

4<sup>o</sup> — Đoạn thứ tư : nói muốn cho nhân loại được thậ

sung-sương lất cần phải nhờ đến sức thiêng-liêng của Phật-Tổ để đem chúng-sinh ra khỏi bến mê.

Nay xét sự tiến-bộ về văn-minh vật-chất, tức là xét trình-độ tiến-hóa của nhân loại từ đời thượng-cổ đến giờ, nghĩa là từ lúc loài người mới xuất hiện trên mặt trái đất đến ngày nay:

Theo các nhà sử-học thì người ta bắt đầu hiện ra ở trên mặt địa cầu vào cuối đệ tam thạch hệ (époque terriare) các nhà địa-chất-học chia rõ địa-cầu ra bốn tầng lớn gọi là thạch-hệ, mỗi tầng đối chiếu với một thời-kỳ trong lịch-sử văn-minh. Khi bấy giờ chưa biết ăn mặc gì cả, nhà ở thì kết cành cây thanh túp để che ăn nắng mưa. Đồ dùng làm bằng những mảnh đá, trước còn để nguyên, sau biết mài dũa. Đó là thời-kỳ thạch-khi của nhân loại.

Đến đời kim loại thì người ta biết cày biết bừa, biết may quần áo mặc, biết chế khí giới để chống giữ với các giống vật khỏe hơn. Đây là thời-kỳ kim loại. Trước còn chỉ biết dùng đồng thiếc (bronze). Mãi lâu về sau mới tìm ra sắt. Thi là nhân loại bắt đầu vào một thời-kỳ văn-minh mới, tức là thời-kỳ bầy giờ vậy.

Đến bây giờ là đời mà khoa-học đã làm biến đổi cả mặt địa-cầu, biến đổi cả cách sinh-hoạt của loài người; vì hàng ngày đều là những cái mắt đã trông thấy, tai đã nghe tiếng, tai chẳng cần nói nhiều làm gì.

Tôi chỉ nói qua rằng từ thế-kỷ thứ 19 đến giờ thì khoa-học làm động-lực cho văn-minh. Những sự tiến-bộ bởi khoa-học mà ra, có ích lợi cho văn-minh thế-giới nhiều lắm, không kể sao cho xiết được.

Trước còn dùng than đá để lấy động lực, sau lợi dụng cả sức thác nước. Trước còn dùng hơi nước, sau đến điện khí. Khoa-học trước còn thám-hiểm trên mặt đất, sau đặt tàu ngầm lặn xuống đáy biển, chế lâu bay lên tận trên mây.

Hơi nước, điện khí đã đem đến cho chúng ta những sự lạ tai lạ mắt: xe lửa, tàu thủy, tàu điện, xe hơi, làm rút ngắn đường lại cho ta. Một luồng điện chạy trên giây hay một làn sóng điện qua khoảng không làm cho ta thông tin tức, noi

truyện trong giây phút với những người ở cách xa ta hàng nghìn, hàng vạn cây số ! Một cái búa làm được công mấy chục thợ rèn, một cái máy bó lúa thay được mấy chục kẻ nông-phu.

Tôi nói về lịch-sử văn-minh của nhân-loại hơi dài là có ý muốn đề các ngài so sánh trình-độ văn-minh từ khi người ta mới xuất-hiện ra ở trên trái đất với cái trình-độ văn-minh ngày nay.

Ta hãy đem so-sánh và xét xem cái đời điện-khí, hơi nước có làm cho nhân loại thêm hạnh phúc hơn cái đời « Như mao âm huyết » ngày xưa không ? Nói khác ra là cái văn-minh vật-chất có thể làm cho nhân loại sung-sướng không ? Tất cả cái vấn-đề tôi muốn thử giải quyết hôm nay là ở đây.

Nói rằng không, thì hình như là vô-lý. Nay ta hãy đem so-sánh cái cảnh lấy lá cây làm quần áo, cái cảnh ăn lông ở lỗ ngày xưa với cái cảnh cung điện nguy-nga, cái cảnh lên xe xuống ngựa bây giờ. Nói gần đây thì ta hãy đem so-sánh cái cảnh đi võng đi cồng mẩy chục năm về trước với cái cảnh xe hơi lều điện bây giờ. Ai chả cho là văn-minh vật-chất đã đem cho ta bao nhiêu sự sung-sướng cho thân thể ta. Nói thể không phải là không đúng, nếu ta không công nhận là đúng, mà lại muốn cho nhân-loại rất lùi lại mấy mươi thế-kỷ về trước, thì tất ai cũng phải cho ta là gàn, là dở.

Song muốn biết cái chân hạnh-phúc của loài người thì trước hết ta phải chia ra sự khoái-lạc của thân-thể và sự khoái-lạc của tinh-thần.

Sự khoái-lạc của thân-thể là tất cả các sự tiện-lợi về hình-thức ở bề ngoài: tơ, lụa, gấm, vóc để ta mặc cho đẹp cho ấm; nhà cao, cửa rộng để ta ở cho được mát mẻ, thoải-thoai; thực phẩm cao lương mỹ-vị cho ta ăn dùng; quạt nòng, áp lạnh cho ta khỏi những sự khó chịu của thời-tiết; tiếng đàn du-dương cho ta thích tai; bức tranh sán lạn cho ta đẹp mắt. Nói tóm lại đều là những cái ngoại vật mà làm cho ta sung-sướng về vật-chất cả.

Còn sự khoái-lạc của tinh-thần là tất cả ở sự nhân của cái tâm ta vậy. Đời càng móc-mạc, chất phác, dân-dị bao

nhieu thì trí ta càng bớt nghĩ-ngợi, mà cái tâm ta càng được thanh-nhân bấy nhiêu. Mà trái lại, đời càng phiền-phức, càng hoạt-động bao nhiêu thì trí nghĩ ta càng bận rộn, mà trong lòng ta càng nao-động bấy nhiêu.

Cái tâm bao giờ cũng làm lở cái hình. Vậy thì sự khoái-lạc về thân-thể càng tăng, thì cái sự khoái-lạc về tinh-thần càng giảm. Danh-lợi làm cho ta lúc nào cũng bồn ba, khổ lóm, nhọc trí, làm cho ta càng được càng muốn được thêm. Đời phồn-hoa làm cho ta thêm lòng dục-vọng, cầu hát du-dương, dịp kèn khoan-nhật làm cho ta dễ mê hờn. Rồi bao nhiêu những cái khoái-lạc vật-chất làm cho ta mù trí khôn, nhụt tư-tưởng. Nói tóm lại — bây giờ tôi bắt đầu dùng chữ nhà Phật — nói tóm lại những cái khoái-lạc của văn-minh vật-chất làm cho người ta đã sẵn lòng « tham » lại tham thêm, đã sẵn lòng « si » lại càng si, mà đã vốn là « sân » lại càng ngày càng thêm luân-quần trong cái vòng ngu muội.

Vậy thì cái văn-minh vật-chất đâu có cho cái đời vật-chất của ta được tiện-lợi, song đã làm hại cho cái đời tinh-thần của ta mà giam hãm ta vào cái nạn tham, sân, si là ba cái then khóa đã rớt chặt nhân loại vào trong bể khổ.

Lại hơn nữa, trong khi làm cho loài người thêm lòng tham muốn, thêm lòng dục-vọng, văn-minh vật-chất — than ôi ! — lại cho loài người những lợi-khí để loại được chỉ nguyên, để đạt được mục-dịch.

Không cần phải nói rõ, ai cũng biết đời bây giờ, cái trình-độ luân-lý kém ngày trước. Ta thường nghe các bậc lão-thành nói : « Đời bây giờ . . . » đủ biết các cụ bao giờ cũng có ý than tiếc cái đời mộc-mạc, chất-phác ngày xưa.

Lại nữa, đời vật-chất đã xô đẩy các dân tộc trên thế-giới vào một thế kỷ mới, thế-kỷ cạnh-tranh, khôn sống, mống chết. Thế rồi khoa-học đem đến cho ta cùng với các khí-cụ cho cách sinh-hoạt của ta thêm tiện-lợi, biết bao nhiêu những khi giới ta dùng để tương-tàn, tương-hại.

Đồng thời với xe hơi, vô tuyến-diện, khon-học đã chế ra súng trái-phá hơi ngọt ; tàu ngầm dùng để thám-hiểm các đáy biển, mà ngư-lôi cũng dùng để đánh đắm các tàu bè ;



máy bay dùng để cho ta lên được Nam-cực, Bắc-cực, song cũng dùng để thả tạc-đạn.

Vậy thì văn-minh vật-chất đã hãm chặt nhân loại vào cái vòng tham, sân, si, mà khoa-lọc đã đặt vào tay loài người những khí giới để giết nhau.

Như thế thì, muốn cho nhân loại được hưởng cái chân hạnh-phúc, có phải bỏ hết những cái văn-minh vật-chất nghĩa là những cái kết quả của sự tiến-bộ từ mấy nghìn mấy vạn năm đến giờ không? Có phải kéo nhân loại dặt lùi lại cái đời ăn lông, ở lỗ ngày xưa không?

Quyết là không. Vậy thì trong cái đời văn-minh vật-chất này muốn cứu vớt nhân loại ra ngoài những cái cảnh khổ dã nói ở trên thì phải làm thế nào?

Từ xưa đến nay, đồng thời với các nhà khoa-học làm nâng cao trình-độ tiến-bộ của loài người về đường vật-chất, các nhà triết-học, văn-học cũng muốn nâng cao trình-độ văn-minh về đường tinh-thần.

« Khoa-học mà không có lương-tâm, chỉ làm hại cho linh-hồn » (Science sans conscience n'est que ruine de l'âme). Cái tư-tưởng của nhà triết-học Pháp ấy đã mở lối cho nhân-loại vào một kỷ-nguyên mới. Rồi các thi-nhân, các văn-hào các nước đều cùng nhau vun-đắp cho cái nền luân-lý của loài người được kiên-cố.

Về phương-diện này, ta nên biết công cho cái văn-minh của nước Pháp có cái đặc tính hơn hết là có nhiều lòng nhân đạo hơn cả. Một thi-nhân Pháp có nói : « Tôi càng là người Pháp bao nhiêu thì tôi lại càng thấy tôi gần với nhân-loại bấy nhiêu ».

Mà thật thế, cái chủ-nghĩa tự-do, bác-ái, bình-đẳng là ở nước Pháp sau hồi đại-cách-mệnh năm 1789 xướng ra trước, rồi các nước khác lần lần tuân theo.

Rồi sau này ta thấy những phương-pháp đặt ra để bảo-hộ cho cuộc hòa-bình thế-giới như dặt ra Tòa-án quốc-tế, hội Vạn-quốc, rồi đến phi-chiến điều ước. Tưởng những bao nhiêu phương-pháp khôn khéo ấy sẽ có thể cứu vớt được cái nền hạnh-phúc của nhân-loại.

Nhưng mà, than ôi ! sự thực đã biến những hi-vọng cao  
thượng ấy thành ra mộng-ảo.

Thì đây, đồng thời nước Đức xướng-xuất ra một chủ-  
nghĩa văn-minh mới (1); mà cái đặc-tính là lấy sức mạnh  
mà thắng được công-lý, mục-đích là muốn tranh bá-quyền  
cả thế-giới, bắt những dân bị thua làm nô-lệ cho mình và  
chiếm lấy đất nước, phục lấy nhân-dân người ta. Chính cái  
chủ-nghĩa độc-ác ấy đã đem nhân-loại vào cái cảnh đâm  
giết, máu thành bèo, xương thành gò trong hồi đại-chiến  
năm 1914.

Rồi càng ngày ta càng thấy hiệp-tước thành mớ giấy lộn,  
cường-quyền vẫn thắng công-lý, nghĩa là mặc dầu những  
chủ-nghĩa tự do, bác-ái xướng-xuất ra, nhân-loại vẫn xô-  
xát nhau, chen đua nhau vào những cảnh lầm-tham, khỗ-sở.

Vậy thì muốn cứu khổ cho loài người, không còn cách gì  
nữa hay sao, và nhân-loại đều phải khoanh tay trước sự  
tuyệt-vọng hay sao ?

Muốn chữa một bệnh phải tìm biết bệnh căn, muốn cứu  
khổ cho loài người phải tìm cái cơ làm sao loài người phải  
triền-miền trong bề khổ. Tức trong kinh Phật gọi là nhân-  
đế trong tứ-diệu-đế. Thuộc về giáo-lý đạo Phật, như tứ-diệu-  
đế, thập nhị nhân duyên đã có nhiều ngài nói rồi, tôi không  
phải nhắc lại làm gì nữa. Nay chỉ xét xem hiện-tình văn-  
minh của thế-giới bây giờ phải cần tinh-thần đạo Phật thế  
nào để mong bỏ cứu được cái phong trào vật-chất nó đương  
lôi cuốn loài người vào trong vòng đau khổ.

Như trên kia đã nói, văn-minh vật-chất càng tiến-bộ, thì  
cái trình độ tham, sân, của loài người càng tăng thêm, mà  
cái sự cạnh-tranh, cái cảnh tương-tàn, tương-hại càng kịch-  
liệt.

Trái lại, Phật-tử gi dạy ta nguyện nhân sự khổ là cái lòng  
tham sống nó thúc giục người đời cứ quay-cuồng, xuẩn-  
động để tự mình làm cực cho mình. Không biết rằng hành  
động tức là tạo nghiệp, mà tạo nghiệp tức có nghiệp báo, mà  
nghiệp báo ắt phải luân-hồi. Luân hồi là cứ chết đi sống lại,

---

(1) Người Đức gọi là Kultur.

hết đời này đến kiếp khác mà cùng làm nhân quả lẫn cho nhau, linh-đỉnh phiêu-dạt trong khoảng vô-cùng vô-lân, như một cái bánh xe quay, quay mãi không lúc nào được nghỉ ngơi yên ổn.

Ở đời là khổ, làm người đã nhọc như thế thì người tri-giả chỉ nên hết sức thoát sự khổ, tránh sự nhọc mà hy-vọng đến một nơi thấp phần yên-đàn, thấp phần tịch-mịch mà Phật gọi là Nát-bàn. Phật-tử dạy ta bỏ hết những cái nó làm cho loài người luân quần trong sự khổ, tức là dạy ta bỏ hết lòng dục vọng Chính tâm diệt dục, đó là bốn chữ tóm tắt hết cái đạo-lý của Phật-tử.

Có nhiều người nóng nổi bình-phẩm đạo Phật cho là một đạo chán đời. Như một nhà danh sĩ Âu-tây nói: « Đạo Phật là một câu hát náo nùng để ru ngủ những dân chán đời ở cõi Đông-phương. » Gần đây lại có người nói: « Đạo Phật là một đạo chết ». Nói như thế thật là chưa hiểu thấu cái tinh thần của đạo Phật. Không biết rằng Phật tử là một bậc tiên-tri, biết rằng hơn nghìn năm về sau, loài người sẽ vì lòng tham sống mà xô đẩy nhau vào những cuộc tranh-dấu khốc-liệt, nên Phật-tử phải giậy trước rằng: « Sống là khổ, sống là tạo nghiệp, mà nghiệp báo là luân-hồi », để bỏ cứu một đời phần cho cái sự xuẩn-động quay-cuồng của nhân loại ngày nay thì vừa.

Gia chi dĩ Phật-tử mà tìm ra đạo chỉ là để cứu vớt cho chúng-sinh ra ngoài bể trầm-luán. Tự-giác, giác-tha, bốn chữ ấy tức là manh-nha chủ-nghĩa bác ái của nhân-loại.

Phật-tử tự sáng-suốt không phải là tự đề giải thoát lấy mình, mà chính là để cứu khổ cho quần-sinh. Vì chính Phật-tử đã nói nếu chúng-sinh chưa thành Phật thì Phật cũng chưa thành Phật với. Cái tư-tưởng bác-ái ấy thật là một cái tư-tưởng siêu nhân-loại.

Nay thế-giới đương xô đẩy nhau vào cái đời cạnh-tranh vật-chất, đương sống cái đời « xu thăng, liệt bại », đem giáo-lý của đạo Phật mà tuyên-ương cho lan rộng ra, chắc có thể bỏ cứu được một đời phần cho cái hạnh-phúc của nhân-loại. Ai dám bảo đạo Phật ngày nay không là một đạo hợp thời.

Những truyện đồ đệ Phật-tổ như truyện Ba-Nặc (Purna) đi truyền giáo ở rợ Tô-nô-bà-lan-đa, dầu phải xông pha nguy hiểm đến tính mệnh, cũng không quản, miễn là để làm cho người rợ độc-ác ấy hiểu lẽ đạo mà theo, để cải ác vi thiện, thực đã nêu cao cái gương tạc-giác, giác tha, cái gương sả thân cứu thế. Những truyện như thế, giá đem tương đối với những cảnh chinh-phục, đâm giết đời bây giờ, có lẽ cũng cảm hóa nhân loại được nhiều. Vậy thì cái ngày mà tôn chỉ đạo Phật sẽ lan rộng ra trong thế-giới, ngày ấy là ngày các dân-tộc sẽ dong dẫu đi nhau đi trên con đường hạnh-phúc. Chúng ta nên thắp hương cầu nguyện Phật-tổ cho cái ngày ấy được sắp tới nơi.

Na-mô A-di-đà Phật

---

## TRUYỆN ÔNG LÔ-CHÍ TRƯỞNG-GIÁ

(Vua Đế thích Hóa-thần bị kiện)

Ngày trước ở nước Xá-vệ có một ông Trưởng-giá tên là Lô-chí, nhà rất giàu có, của cải chứa chan, trong nước không ai sánh kịp. Cứ lấy con mắt trí-tuệ của người đắc đạo mà suy xét thì đã bao nhiêu đời trước ông đã hết sức giồng nhân lành ở trong ruộng phúc, nên nay ông được hưởng phúc báo giàu sang đến thế, song chỉ hiềm vì thiếu chút lòng thành, nên nay ông tuy là một tay phú gia dịch quốc, mà tới chỗ hành vi của ông lại không được bằng người hèn hạ trong nước, thậm chí đến quanh năm lúc nào cũng chỉ thấy ông ta đeo manh áo rách tả tơi bần thiêu, đầu bù tóc rối, coi rất tiều tụy, ăn thì bữa cháo bữa rau, bóp mồm bóp miệng, ở thì cứ ẩn nấp trong chuồng trâu hoặc sau nhà, đi đâu chỉ thuần đi bộ, nói tóm lại những sự sỗ nhệ của ông khắp thiên hạ có một chứ không hai; các hàng thân thuộc không ai được nhờ qua một tí gì bao giờ; cả những người ở nhà cũng thế, hình như những người ở với ông đó cũng là cái nợ tiền kiếp mà phải ở với ông. Đến sự làm ăn thì ông lại còn gặp vạ những người tôi tớ, khắp thiên hạ ai ai cũng đều chê ông là thần giử của, mà chính thế thật, của cải như thế mà cấm ly đi đâu một tí nào. Nên ông La-hầu-la vì ông Lô-chí nói bài kệ rằng:

Nhân duyên bố thí khác nhau,  
Nén bẻ hương thụ đóa đầu cách xa.  
Đốc lòng tin thí thực thừa,  
Phỉ nguyện phú qui vinh hoa đời đời.  
Tấc thành ở chẳng vẹn mười,  
Thì bao nhiêu cũng là người ngu si.  
Giàu như Lô-chí ai bì,  
Thế mà thiên hạ kẻ chê người cười.

Có một hôm trong thành mở hội, khắp nhân dân nhà nào nhà ấy treo đèn kết thẻ bày biện cực kỳ trang nhã, đường đi lối lại mùi hương sực nức, tiếng nhạc vang giời, bóng hoa rợp đất, hát múa trò vè, cảnh vui không thể tả hết được.

Ông Lô-chí vừa chợt gặp quang cảnh đó thì hồn xiêu phách lạc, nửa mừng nửa sợ, tưởng là lạc vào tiên cảnh, chứ không phải ở nhân gian, sau tỉnh ra liền lăm bằm bảo rằng: à ra những người hèn hạ tôi tớ kia thật là người linh tinh quan, ở cõi phàm trần toan đòi học thói thiên cung, ăn ngon mặc tốt, xa xỉ thế kia; cái bộ họ chẳng qua không vay thì mượn chứ làm gì ra có. Ta nay vàng ngọc chất chứa thành kho thành dựn, của báu chẳng thiếu vật gì, có lẽ nào ta lại chịu thua họ, chẳng tìm thú khoái lạc hay sao.

Nghĩ rồi ông vội vội vàng về thẳng nhà, móc chùm chìa khóa trong túi ra mở một kho tiền, ngần ngừ lấy ra năm xâu tiền mỗi xâu chỉ độ năm sáu đồng, vội vàng khóa chặt cửa lại, lại lên ngựa đi, vừa đi vừa nghĩ cách tiêu dùng, bụng bảo dạ: nếu bây giờ ta mua thức gì về nhà ăn, thì mẹ và vợ cùng tất cả nhà lại chia rẽ mất; ngồi nhờ nhà hàng xóm, họ lại cho mình là tay khá, họ ăn đồ chẳng, không thì lại bị kẻ ăn mày hỏi xin, ông nghĩ vợ nghĩ vẫn gần nát ruột ra, mãi sau cùng nghĩ ra được một kế, lăm bằm nói: được rồi! được rồi! liền chạy thẳng đến một cái hàng trong thôn rất nghèo túng, mua vài cái bánh bông, mấy đồng rượu, mấy đồng rau thơm, mấy đồng các thứ lật vạt, tùm vào vật áo, dấu dấu diêm diêm, mắt ngược mắt xuôi chỉ sợ người ta trông thấy, chạy thẳng một mạch vào tới nhà nọ xin được tí muối, liền nhảy thót đến một gốc cây

ở dữa cánh đồng, định ngã ra chén, thì nghe tiếng òa òa, ngẩng mặt trông lên, thấy con quạ ở trên cây dòm xuống. Ông vội vàng nói : « à mà lại chực lại chia với ông à ! nguy rồi ! nguy rồi ! chỗ này không tốt, » lại chạy đến một ngôi mộ cỏ, vừa ngồi xuống đương trông trước trông sau, thấy ngay con chó ở đằng xa đi lại, ông lại đứng rập chạy hết sức, mãi sau đến một cánh đồng không mông quạnh, không ai đi lại, trông bốn bên không còn thấy qua một con gì đi lại nữa, bấy giờ trống ngực ông mới hơi yên, thần hồn dần dần hồi tỉnh, liền ngã các thứ ra, bày hiện đầu đấy, ăn ăn uống uống, chệnh choáng ngà ngà rồi rượu vào nhồi ra, bấy giờ nói thánh nói thần : á chà ! cả thành hôm nay vui vẻ, nhưng ta đây cũng chẳng kém gì ; họ nghe hát xem múa thì ta đây cũng hát múa lấy mà xem chứ lẽ nào ta thua họ sao. Đoạn ông đứng ngay rập, chân tay khuơ khoạc, đầu cổ lắc-lư, nghêu ngao hát xướng nhảm nhí, chán rồi lại nói : sướng chưa ! có ông Đế-thích hôm nay cũng không sướng bằng, huống chi ông Ti-sa-môn Thiên-vương đã thắm vào đầu.

Vô phúc đương nói thì gặp ngay lũ ông Đế-thích cùng các vị hiền thánh đi đến tinh-xá ở kỳ-hoàn nghe Phật thuyết pháp, đi qua thấy ông Lô-chí đương nghêu ngao hát mùa nói xằng nói bậy, như người đồ dại, một mình ở tha ma, coi ra vẻ tự đắc không còn biết gì là thẹn hổ cả.

Bấy giờ ông Đế-thích dừng lại nghe xong, trong bụng nghĩ ngay ra một kế : thôi hôm nay ta hãy đình việc nghe thuyết pháp, ta phải phương tiện tìm cách hóa độ cho kẻ ngu si hỗn sển cuồng giai này biết hồi tỉnh. Nghĩ xong, ông liền lấy sức thần-thông hóa ngay ra một ông Lô-cai thứ hai cũng giống như ông Lô-chí thật, từ tượng mạo đi lại cho đến lời ăn tiếng nói không sai một ly nào, chạy thẳng về nhà ông Lô-chí, cho gọi tất cả những người trong nhà lên, không qua một người nào. Đối với tất cả nhà, ông nói với cả bà mẹ già rằng : « Thưa mẹ và cả nhà biết cho, ở trong nhà này trước có một con ma hỗn sển, nó ám ảnh tôi, nó theo đuổi tôi ; nó ràng buộc tôi ; nó không cho tôi được chủ trương một việc gì cả, đến nỗi bao nhiêu của cải chứa chan đầy rẫy hết kho ấy sang kho khác mà nó cấm tôi, nó ngăn trở tôi, không cho tôi đem cung phụng mẹ già, cấp

đường quyền thuộc; cái lỗi đó đều thuộc con ma kia nó làm tai va cho nhà này cả. May sao hôm nay là ngày tiết hội, tôi đương đi chơi ở ngoài thành, gặp ngay được một người đạo sĩ rất cao tay phù chú; ông ta truyền cho tôi được một bài thần-chú khua quỷ (đuổi ma), tôi mới đuổi được con ma ấy đi, thật là vạn phúc cho nhà ta từ nay, nếu nó có về quyết nhiên không thể nào nó lại ám vào mình tôi được nữa. Ông lại quay ra bảo mọi người nhà rằng: «Này con ma ấy hình dáng nó giống tôi lắm, nếu nó lại thì tất cả nhà ai ai cũng nên hộ tôi, lấy gạo đánh cho nó một mẻ gần chết rồi đuổi nó đi ra ngã bảy ngã ba, chớ cho nó lại gần; mà lúc nó lại thế nào nó cũng nói nó chính là Lô-chí, vậy chớ ai nên nghe nó, chớ ai trò chuyện với nó mà khốn đấy.

Dần dò đầu đấy rồi, ông vào mở kho lấy tiền của ra, cho người nhà ra chợ mua thuận những thức cao lương mỹ vị, làm yến tiệc rất linh đình, cho mời tất cả họ hàng thân thích không thiếu một ai. Cả nhà vừa ăn uống xong, ông bảo ra đóng ngay cổng chính lại kéo cái quỷ ấy nó vào. Để tôi đem các thứ trân-châu anh-mạ và các đồ quý báu phân phát cho mọi người đã; hãy lúc nào tôi bảo mở cổng hãy mở. Một mặt lấy cửa cái ra phân phát, một mặt cho tấu nhạc, cả nhà đều vui vẻ không khác chi trong thành đại hội, thật là mận này bồ nhạt ngày xưa, nắng rầy cho bồ dầu mưa những ngày. Ông đem những áo và các đồ rất quý dâng mẹ già, rồi cho vợ và tất cả các con gái gái dâu dề, rồi một tay dắt mẹ, một tay dắt vợ, đi chơi xênh xang trong nhà, tiếng đàn chen tiếng hát, mùi hương lẫn mùi hoa, cuộc vui trong nhà chưa từng có bao giờ. Lúc người nhà đi vào thành Xá-vệ mua ăn, đồn tin ông Lô-chí trưởng giả đuổi ma sên đi, một chốc thì một người đến mười, mười người đến trăm, không mấy mà khắp cả trong thành nhân dân ai ai cũng biết, nô nức bảo nhau cõm nước rồi kéo đi xem, mới vào quãng mặt giờ xế trưa một tí mà nhân dân lục tục kéo đến chật ních cả cửa. Nghe thấy trong nhà đàn nhạc vang rền, trang hoàng rực rỡ, công chúng chen nhau vào xem, quả nhiên thấy quang cảnh khác hẳn khi thường, ai ai cũng đều lấy làm lạ.

(Còn nữa)

TRÍ-HẢI dịch

# TRÍ VỚI NGU

Người ta bắt cứ Thượng-tri hay Hạ-ngu, đã sinh ra làm người ai cũng có cái bản tính thiên-nhiên rất tôn quý. Phật nói là Phật-tính, Nho nói là Thiên-tính.

Đã hiềm khi mới đầu thai, dù Thượng-tri, Hạ-ngu đi nữa, cũng đều phải cảm nhiễm cái nghiệp-phong thì mới thành thai được. Bực Thượng-tri thì cảm được cái nghiệp-phong thuần-thiện tinh-anh, hóa nên nguyên-tính vẫn y nhiên sáng suốt như gương không bụi, như nước không sóng, tới khi trưởng thành, không phải dùng công học tập lắm mà vạn sự vạn vật tới mắt là thông hiểu. Chẳng những thông hiểu những sự vật hiện tượng mà thôi, thông hiểu cả đến huyền-cơ bí mật của Tạo-hóa và ngoài Tạo-hóa nữa. Những bực này ở thế-gian là thánh Sinh-tri, xuất thế-gian là vị Vô-học, La-Hán. Các ngài tuy nhiên cũng hình hài cốt vóc như người, nhưng chính là một mảnh Phật-tính, hay là một khối thiên-lý hiện thành nên những sự ngũ-mức, cử-chỉ, tạo-tác, hành-vi, đều thung dung hợp đạo lý; lại hay suy rộng cái nguồn gốc đạo lý, bày ra phẩm-tiết tổ tông, để dạy cho trăm nghìn muôn đời, đều biết phép tu thân lập mệnh. Còn chúng-nhân thì đời trước đã vụng đường tu, hóa nên ít phúc-dức, cái khi mới đầu thai, đã phải luồng gió hắc-nghiệp nó cảm nhiễm với cái nguyên tính rồi, tới khi sinh ra, thì cái mầm nghiệp đã sẵn đấy nó cùng với mình cùng lớn nên, lại phải cái vật dục ở ngoài nó dụ đi nữa, bấy giờ tự cái nguyên-tính hóa ra tâm tham, sân, si, hóa ra tình điên-đảo mê-hoặc.

Nguyên-tính tuy rằng đã biến thiên như thế, nhưng cũng chưa biến được hết, trong tâm người nào cũng vẫn có thiên-lý cùng nhân dục hỗn tạp với nhau. Dù bực Thượng-tri cũng có nhân dục như đói muốn ăn, khát muốn uống v. v. Người hạ-ngu cũng còn thiên-lý như kính cha yêu mẹ v. v.

Nhưng bực Thượng-tri biết đem tâm thiên-lý làm quan tướng-sứ, bắt tâm nhân dục làm quân tốt đồ. Tướng-sứ



có định-chính thì mới sử linh được tốt-dở. Người Hạ-ngu lại tự đem quân tốt-dở để sử linh quan tướng-sứ. Cho nên sách Hán-Thư nói : Từ mã khả điều, chí bất khả điều. Bàn thủy khả phùng, chí bất khả ngự 驕馬可調. 志不可調. 盤水可捧. 志不可禦. Nghĩa là bốn ngựa còn dễ luyện thuần, chí khó luyện thuần. Mâm nước đầy còn dễ bưng, chí khó ngăn giữ. Than ôi, thương thay ! Cái chí đông cần ấy nó cướp mất cả danh nghĩa tiết hạnh, đến nỗi thương luân, bại lý, tệ tục, đồi phong, đến nỗi thất hiếu, thất trung, vô liêm, vô sỉ, thực đúng như lời ông Mạnh-Tử nói : người mà vô giáo thì cùng với loài cầm thú không xa.

Tuy vậy, như trên đã nói, cái bản-tính thiên-nhiên rất tôn quý không người nào không có, ở người ngu không phải có kém, ở người trí cũng không phải có hơn ; mà di thì là ngu, mà tỉnh ra thì lại trở thành người trí. Ông Mạnh-Tử lại có nói : « Người ta ai cũng làm được vua Nghiêu, vua Thuấn cả ». Vua Nghiêu vua Thuấn là hai vị đại thánh, mà người ta chịu khó tu tỉnh thì cũng làm được như vậy không khó gì. Cũng tức như lời Phật nói : Chúng-sinh nào cũng có đức tính từ-bi diệu dụng như Phật, và chúng-sinh đều tu được thành Phật cả. » Mà không tu không niệm, có phải tự phí tự hoại đời người không ? Chẳng hóa ra mình ngậy đại lắm ru ! Cho nên dù nho hay Phật cũng vậy, lập ra Tôn-giáo để dạy người, tuy có khác nhau về những việc hình thức bề ngoài, chứ còn đến đàm tâm, luận tính, thì hợp nhau như so ẩn. Như Phật nói : Minh tâm kiến tính thành Phật 明心見性成佛. Nho nói : Tôn tâm dưỡng tính thành thánh, hiền 存心養性成聖賢. Mà cái phương châm tu tiến nên địa vị Phật Thánh thì Phật dạy phải dụng công Lục bế 六閉<sup>(1)</sup> cũng như nho dạy tứ vật 四勿. Phi lễ vật thị 非禮勿視. Phi lễ vật thính 非禮勿聽. Phi lễ vật ngôn 非禮勿言. Phi lễ vật động 非禮勿動 nghĩa là : mắt cốt xem phải lễ, trái lễ chớ xem. Tai cốt đề nghe phải lễ, trái lễ chớ nghe. Miệng cốt đề nói

(1) Lục-bế, là đóng sáu căn, nhỡn nhĩ tị thiệt thân ý, đóng lại không cho sa đắm vào sáu trần.

phải lễ, trái lễ chớ nói. Thân cốt dễ làm phải lễ, trái lễ chớ làm. Bọn ta ai có chí cầu đạo, phải nên biết bốn câu ấy, là bốn cái kiểu mẫu để đào luyện đức-tính. Chớ nên dễ sai lạc chốc lát, mà càng những khi vội vàng hấp tấp, lại càng phải giữ gìn cẩn thận, bình như mình bẻ một vật gì rất qui báu, chỉ sợ sầy chân buột tay rơi vỡ mất thì quan ra.

Xét cho cùng thì bao nhiêu Tôn-giáo, chỉ là phương-pháp để chữa bệnh tâm, nếu người có bệnh tâm mà không biết tìm phương thuốc chữa đi, thì về sau tự cái bệnh tâm của mình hóa ra địa ngục, quý, súc, hóa ra sông mé bề khô, chừ có phải những cảnh thú ấy ở ngoài mà có đâu. Mà ngàn giác, bề từ cũng tự ở trong tâm mà ra cả. Nếu bệnh tâm đã khỏi thì tự nhiên thấy có cái cảnh thường vui. Phật nói : « Ba giới chỉ ở tâm mình tự tạo ra » muốn lạnh được lạnh, muốn dữ được dữ, tùy người ta chọn lấy đấy !

Sa-môn TỐ-LIÊN

## Hai chi-hội khánh-thành trong một ngày

Hôm mười-bảy tháng tư ta vừa rồi, tức là 7 Juin 1936, Cụ lớn Hiệp-tá Nguyễn-văn-Bán thay mặt Cụ lớn Chánh Hội-trưởng về khánh-thành chi hội Nam-trực ở Nam-dịnh. Cùng đi với Cụ lớn Hiệp-tá, có một vị sư ở hội Trung-ương, ông phó Hội-trưởng Nguyễn-quốc-Thành, ông Phó-băng Bùi-Kỷ, và ông Nguyễn-bá-Thảo hội-viên ban hộ-niệm Trung-ương. Chi-hội này lấy một ngôi chùa ở gần ngay huyện lỵ làm hội-quán, cử quan nguyên Thương-tá Hưng-yên Nguyễn-xuân-Lan làm đại-lý. Chi hội này chính là ở vào địa hạt ông Phó Hội-trưởng Nguyễn-quốc-Thành, ông Phó Hội-trưởng đã dốc lòng săn sóc, lại được các phái tôn cụ cùng chư vị thiện-tín hết sức hoan nghinh, đến họp ở hội-quán rất đông, coi ra có cái quang cảnh cực kỳ sầm uất và túc mục lắm. Đến chúng-kiến lễ khánh-thành có cả quan Thượng Phan-dinh-Hồe là đại-lý chi hội Nam-dịnh và quan Huyện sở tại Nguyễn-Giảng. Ban đại-lý đọc một bài diển-văn khá giải, so sánh đạo Khổng và đạo Phật, ngụ nhiều ý tứ sâu xa. Cụ Lớn Hiệp-tá đứng lên nói mấy lời ngợi khen ban đại-lý tổ-chức được đủ mọi cách hoàn hảo, rồi ông Phó-

bằng Bùi-Kỷ ra giữa hội-quán diển-thuyết về tôn-chỉ đạo Phật và mục-dịch của hội Phật-giáo, lời lẽ rất là uyên-truyền và chu chuán. Kế đến ông Phó-hội-trưởng Nguyễn-quốc-Thành đứng lên cất nghĩa cho ban đại-lý và các hội-viên về cách thức làm sổ sách thuộc về khoản chi thu của tiền quỹ ở các chi hội, thật là minh bạch và tường tận. Lúc lễ khánh thành xong, các quý khách ở trên trung-ương cùng các hội-viên đều sang thụ trai ở bên nhà Tổ.

Sau đó, Cụ lớn Hiệp-tá, cùng các vị ở trung-ương lại đi thẳng về Hải-hậu, để khánh thành chi-hội ở Quận-phương hạ. Lúc đến nơi, đã ngoài ba giờ chiều, trời rất nóng nực, thế mà các hội-viên đã tề tựu đông nghịt cửa chùa Hội-quán, xã Quận-phương-hạ tuy là một chỗ ở gần bãi biển, xa khơi hẻo lánh, song dân cư rất là đông đúc, lại rất giàu lòng mộ đạo Phật, có đón được Cụ Tổ Vĩnh-nghiêm là Thuyền-gia Pháp-chủ Bắc-kỳ về chứng kiến lễ khánh-thành, lại được các vị thượng-tọa ở trung-ương về giữ lễ đông đủ, thật có một cái phong thế vẻ vang và cái thanh thế lừng lẫy đủ làm cho lòng người nô nức, dầu là ở dưới ánh mặt trời viêm nhiệt, mà vẫn tưởng như là đứng trong bóng bờ-đề mát mẻ vậy. Ban đại-lý bên xuất-gia đọc bài chúc-từ bằng văn, biên-văn, kế đến bên tại-gia đọc bài chúc-từ bằng tản-văn, lời lẽ giản dị, mà ngụ nhiều ý nghĩa sâu xa, sau có ban đồng-tử ra hành lễ. Cụ Lớn Hiệp-tá nói mấy câu ngợi khen cách tổ-chức của ban đại-lý, rồi ông Phó Hội-trưởng Nguyễn-quốc-Thành đứng lên cất nghĩa cho ban đại-lý biết rõ cách làm sổ sách thuộc về tiền quỹ của các chi hội, ông Phó-băng Bùi-Kỷ có giảng giải lược qua về tôn-chỉ đạo Phật, cử tọa đều lấy làm hoan-hỉ và cảm-động lắm.

## NHÂN-VĂN-ĐÌNH THAM-THIÊN THI-THẢO

### 閒雲亭參禪詩草

(Tiếp theo)

#### 6. — Chùa Gôi

登嵬山寺

Huyện Vụ-bản Nam-định, có núi Gôi, chùa ở trên núi, sau chùa lên tầng nữa, có đám đất rất phẳng, linh Nam thường tập bản bia ở đó. Đứng ngó chùa mà trông xuống,

sông nước nhỏ lại như giấy song, quanh bọc các núi, thời thường lại có những thuyền đi lại. Chẳng khác chi một bức tranh « sơn thủy lâu đài » của ông tạo-hóa vẽ ra vậy.

開	來	策	杖	任	登	高
慰	我	清	風	動	醉	袍
古	寺	鑽	深	千	級	遠
武	臺	閱	盡	一	聲	勞
聞	嵩	曠	耳	語	誰	不
小	魯	談	心	語	誰	造
怪	甚	丹	青	誰	不	造
江	流	曲	曲	繞	山	籟

DỊCH NGHĨA:

Khi nhân ta thử lên cao,  
 Gió đưa chiếc áo ngấm-bào như bay.  
 Gặp ghềnh muôn cấp chùa xây,  
 Cái sản duyệt-vũ đầu dây cũng gần.  
 Chìm kêu nào phải tiếng thần,  
 Ba nghìn thế giới coi phần như không.  
 Bức tranh này của hóa-công,  
 Con chèo đầy núi khúc sông quanh vòng.

### 7. — Động Bích-đào

碧桃峒

Động Bích-đào ở huyện Tống-sơn, Thanh-hóa. Triều Trần năm Bảo-thái, ông Từ-Thức gặp nàng Giáng-Tiên ở hang đó, nên tục gọi là hang Từ-Thức. Trong động lắm tua đá đủ xương, như giá chuông, giá trống, giá áo, rỗng ấp, hồ phục, kho thuốc, kho muối, vào sâu lại có giếng nước, có bàn cờ tiên. Hang lại nhiều hang, ngã ba ngã tư, tối om tối tối, dấu cỏ đước di, song cũng quên lối. Vì thế không ai đi cùng.

神	符	一	抵	叩	山	門
碧	向	桃	花	覺	有	村
石	彩	乳	垂	鐘	虞	響
香	鹹	沙	炎	鏡	泉	溫
藥	僧	世	遠	苦	人	迹
漁	父	年	深	蝶	客	魂
漁	是	天	台	來	去	便
隔	是	壯	此	泛	青	樽
紅	塵					

DỊCH NGHĨA :

Bề Thần, gác mái lên hang,  
 Hoa đào lác-đác rờ ràng dân-cư.  
 Già chuông, đá dựng hai bờ,  
 Giếng trong mà muối lờ lờ cát pha.  
 Rêu xanh phủ dấu sự già,  
 Ngư-ông giấc bướm hay là Trang-Châu.  
 Bầu liễn cảnh Phật nhiệm-mầu,  
 Gót trần ta thử nghiêng bầu đạo qua.

8. — Động Yến-sơn

燕 山 峒

Động Yến-sơn thuộc huyện Nga-sơn Thanh-hóa, qua ngọn núi đất, đến núi đá là động, lối bắc có hang Cóc, vì nhiều cóc ở. Lối nam gần núi Ngưu-sơn, vì hình rắng như trâu nằm. Đứng cửa động trông thấy bề, quang-cảnh bát-ngát lắm. Chỉ vì lối đi hiểm-trở, khách ít người tới, thành ra hoang-phế, đáng tiếc.

土	山	山	下	石	山	高
峒	裏	逢	迎	路	匪	遙
蟾	谷	北	環	腰	鑿	石
牛	峯	南	去	枕	鴻	濤
登	臨	快	步	眸	雙	澗
指	願	閒	綠	興	每	豪
略	起	愚	翁	風	雨	願
河	山	祖	國	訂	重	遭

DỊCH NGHĨA :

Hang sâu cách mấy tầng đèo,  
 Gọi tên hang Yến ấy trèo mà vô.  
 May, gần hang Cóc nhấp nhô,  
 Nằm gần một vũng bề chua trâu dầm.  
 Mở toang con mắt muôn tầm,  
 Khi trông, khi chỉ, khi ngắm, khi dề.  
 Thử theo Ông Đạo rở nghề,  
 Trưng-phùng hẹn với sơn-khê nước nhà.

# PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

## 佛學辭典輯要

**Bát-thủy** 八水, — Tám con sông ở Ấn-độ: Sông *Hằng-hà* 恆河, sông *Diêm-ma-la* 閻魔羅, sông *A-di-la-bạt-đề* 阿夷羅跋提, sông *Ma-hà* 摩河, sông *Tân-đầu* 辛頭 sông *Bác-thoa* 博梭 sông *Tất-đa* 悉陀.

**Bát-thiên** 八天, — Bốn cõi trời *Thiên-thiền* với bốn cõi trời *vô-sắc-giới*.

**Bát-phương-thiên** 八方天, — Tám cõi trời ở tám phương Cõi *nhân-dã-la* 因陀羅 ở đông phương là cõi thần Đế-thích. Cõi *Diêm-ma-la* 熾摩羅 ở nam phương là cõi thần Diêm-ma. Cõi *Phục-ra-nã* ở tây phương là cõi thần nước. Cõi *Ti-xa-môn* 毗沙門 ở bắc phương là cõi Ti xa-môn. Cõi *Y-xá-ni* 伊舍尼 ở đông-bắc là cõi Y-xá-na. Cõi *Hộ-ma* ở đông-nam là cõi Thần-lửa. Cõi *Nát-lý-đề* 涅槃底, ở Đông-nam là cõi Thần-la-xát. Cõi *Phục-sưu* ở Tây-bắc là cõi Thần gió.

**Bát phương-tiện** 八方便. — Trước khi trì-tụng tám chữ « *Đà-la-ni* (thần chú) » bí-mật của Diệu-cát-tường Bồ-tát, phải đủ tám điều phương-tiện là: *Tâm sạch* 心淨, *áo sạch* 衣淨, *soa hương thơm vào mình* 香塗身, *qui-mệnh niệm lời chân-ngôn* 持戒, *lễ bái cho chí-thành* 恭敬, *thắp hương sám-hối tội* 懺悔, *Tùy-hỷ và hồi nghĩa* 隨喜, *hồi hướng và phát nguyện* 發願, *sinh lòng đại-từ-bi* 起大悲心.

**Bát vương nhật** 八王日, — Tám ngày *vương-nhật* tức là những ngày bát tiết: *lập-xuân*, *xuân-phân*, *lập-hạ*, *hạ-chí*, *lập-thu*, *thu-phân*, *lập-đông* và *đông-chí*.

**Bát-trung-châu** 八中洲, — mỗi đại châu trong bốn châu đều có hai trung châu phụ thuộc: Hai trung-châu của Nam-thiệm bộ châu: một là châu *ca-mật-la* (camara) nghĩa là con trâu mèo. Một là châu *Phiệt-la già mật la* (Varacamara) nghĩa là con trâu mèo khỏe hơn. Hai trung-châu của Đông-thắng-thần-châu: một là châu *Đề-ha*, nghĩa là cái thân, một là châu *Ti-đề-ha*

(Videha), nghĩa là cái thân tốt đẹp hơn. Hai trung-châu của Tây-ngưu-bóa-châu: một là châu *xá-dê* (satva), nghĩa là xiêm-mị, một là châu *Uần-dát-la-mạn-dát-lý-nā* (Uttaramantrina), nghĩa là thượng-nghi 上儀. Hai trung châu của Bắc-câu-lu-châu: Một là châu *Củ-lạp-bà* (Kurava) nghĩa là nơi biên-giới tốt, một là châu *Kiêu-lạp-bà* (Kaurava), nghĩa là nơi biên giới tốt hơn.

**Bát-ngũ tam-nhị** 八五三二, — Lời ước-thuyết về Pháp-môn của Pháp-tướng-tông 法相宗 tức là: *Bát-thức* 八識, *ngũ-pháp* 五法, *tam-tính* 三性, *nhị-vô-ngã* 二無我. Sách *Duy-thức-luận* đã giải tởng.

**Bát-chính** 八正, — Tức bát chính đạo, xem diễn ấy dưới này.

**Bát-cú-nghĩa** 八句義, — Nghĩa căn bản của Thiền-tông có tám câu là: *Chánh-pháp-nhơn-tạng* 正法眼藏, *nát-bàn-diệu-tâm* 涅槃妙心, *thực-tướng-vô-tướng* 實相無相, *vi-diệu-pháp-môn* 微妙法門, *bất-lập-văn-lự* 不立文字, *Giáo-ngoại-biệt-truyền* 教外別傳, *trực-chỉ-nhân-tâm* 直指人心, *kiến-tính-thành-phật* 見性成佛.

**Bát-tự** 八字, — Tám chữ trong kinh *Nát-bàn* tức là *Sinh diệt, diệt, già, tịch diệt vi lạc* 生滅, 滅已, 寂滅為樂.

**Bất-vọng-tưởng** 八妄想, — Trong sách *Tông-kim-lục* 宗鏡錄 phân ra có tám cái vọng tưởng là: *Tự-tính-vọng-tưởng* 自性妄想, tưởng mọi cái thuộc căn-trần đều có tự tính cả. 2° *Sai-biệt-vọng-tưởng* 差別妄想 hay so sánh phân biệt. 3° *Nhiếp-thụ-tịch-tụ-vọng-tưởng* 攝受積聚妄想, Mê-trấp không biết chúng-sinh là ngũ uẩn hòa hợp lại thành ra. 4° *Ngã-kiến-vọng-tưởng* 我見妄想, cứ tưởng là có ta thực. 5° *Ngã-sở-vọng-tưởng* 我所妄想 *Cứ tưởng thân ta và mọi vật ta dùng là có thực.* 6° *Niệm-vọng-tưởng* 念妄想 chỉ biết nghĩ tới nơi tịnh-cảnh đáng yêu quý kia là còn mãi. 7° *Bất-niệm-vọng-tưởng* 不念妄想, không hề nghĩ tới chỗ cảnh tượng đáng ghét nọ. 8° *Niệm, bất-niệm-câu-tương-vi* 念不念俱相違 hai cái cảnh đáng yêu và đáng ghét đều nghĩ sai lẽ cả.

# HỢP THƯ

Xin trân trọng cảm ơn ông Võ-tấn-Đắc, A. M. Phan-thiết Annam, đã hết lòng cố-dụng và giới-thiệu được rất nhiều độc-giả Đuốc-tuệ.

Đã nhận được mandat của mấy vị sau này :

- M. Lê-thiện-Năng Bentre, mandat 2 \$ 50.
- Ông Thủ-quỹ Mỹ-hào Hưng-yên, mandat 4 \$ 00.
- Cụ Giám viện chùa Đào-viên, Thanh-hóa mandat 18 \$.
- Cụ Nguyễn-văn-Đông Rạch-giá, mandat 5 \$ 00.

Xin cảm ơn các vị:

— Cùng ông Đào-quang-Tự, Cồ-am, Hải-dương — Rất tiếc không còn đủ từ số 1 gửi hầu ông — Xin ông cứ nhận lần lượt đồng niên đủ 52 số bất luận kể từ số nào — Bài diễn-giảng trích ở báo Đuốc-Tuệ ra thì thôi, nếu vị nào làm bài thời xin gửi bài trước mười hôm để ban khảo-cứu Trung-ương duyệt-y đã.

— Xin cảm ơn ông Nguyễn-tăng-Sanh, quản-lý đồn-điền Vạn-tải Hải dương đã gửi trả giúp 3 \$ 00, tiền đồng niên báo bằng mandat.

## TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ.

*Những vị Hội-viên quá cỡ ghi tên sau này. Ban hội đã đến phúng viếng và ban Hộ-niệm của Hội đã cử-hành lễ tiếp dẫn tây quí khi tổng-chung, lại đủ đều đặt các linh-vị để thờ tại chùa Hội-quán, và lần lượt đến tuần « Từ cứu » của vị nào thì làm lễ cầu Phật siêu độ cho vị ấy, để giải nghĩa đồng-đạo với nhau.*

Bà Nguyễn-thị-Chai ở số nhà 51 voie 221 - Hanoi viên-tịch ngày 9 Mai 1936.

— Ông Nguyễn-ngọc-Xuân ở 42 — Hàng Hòm Hanoi, viên-tịch ngày 6 Juin 1936.

— Ông Đặng-trần-Rự ở làng La-cả Hoài-đức, Hà-đông, viên-tịch ngày 5 Juin 1936.

— Bà Nguyễn-thị-Hiền, làng Thượng-chất, An-lão, Kiến-an viên-tịch ngày 15 Mai 1936.